

Bản án số: 74 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐST - HNGĐ ngày 6 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Thông báo tạm dừng phiên tòa số 28/TB-TA ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1955. Trú tại: Tổ 19, phường H, quận Ng, TP Đà Nẵng. Có mặt.

*Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị D, sinh năm: 1955. Trú tại: Số 10 đường Kh, tổ 19, phường H, quận Ng, TP Đà Nẵng, Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Tôi và bà Huỳnh Thị D chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng đến năm 2015 kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của chúng tôi không hợp nhau, nên từ đó thường xuyên cãi vã nhau, gây ồn ào gia đình, địa phương. Mặt khác bà D thường chửi bới, xúc phạm và không tôn trọng tôi cũng từ năm 2018 vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi xác định tình cảm không còn yêu thương bà D nữa nguyện vọng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về quan hệ con chung: ông T và bà D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Trung, sinh ngày 02/01/1987. Hiện nay con đã lớn đủ 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Quang T xác định không có

Về nợ chung: Ông Nguyễn Quang T xác định không có

*\* Bị đơn bà Huỳnh Thị D vắng mặt không có ý kiến tại hồ sơ.*

*\* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:*

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

\* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân canh đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS, bị đơn không chấp hành đúng.

Căn cứ vào Điều 56, 58, 59, 81 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 47 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Quang T đối với bà Huỳnh Thị D

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Quang T được ly hôn đối với bà Huỳnh Thị D.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Thị D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 02/01/1987. Hiện nay cháu đã lớn đủ 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về quan hệ tài sản chung: Không đề cập đến.

- Về nợ chung: Không đề cập đến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa ông, bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Huỳnh Thị D (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Thị D xây dựng gia đình với nhau vào năm 1987, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn. Hôn nhân của trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của chúng tôi không hợp nhau, không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau nên thường xuyên xích mích, cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn của ông bà đã được địa phương hòa giải, khuyên nhủ nhưng không có kết quả, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2018 đến nay. Nay ông T xác định tình cảm không còn yêu thương bà D nữa nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Bị đơn bà Huỳnh Thị D vắng mặt nên không có ý kiến thể hiện tại phiên tòa.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được điều này. Hiện vợ chồng đã tự sống ly thân nhau càng tạo thêm rạn nứt tình cảm vợ chồng có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì.

[5] Đối với bà D tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bà đều vắng mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn của ông T và bà D đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông bà là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: ông T và bà D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 02/01/1987. Hiện nay cháu đã lớn đủ 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: ông T xác định không có. Tuy nhiên bà D vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến của bà để đảm bảo quyền lợi các đương sự HĐXX không đề cập đến, nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ nguyên đơn phải chịu theo qui định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Nguyễn Quang T đối với bà Huỳnh Thị D.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Quang T được ly hôn bà Huỳnh Thị D.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Thị D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Tr, sinh ngày 02/01/1987. Hiện nay cháu đã lớn đủ 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ ông Nguyễn Quang T phải được chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 9875 ngày 6 tháng 5 năm 2020

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Hòa Hải quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

**Lương Thị Anh**